

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2027/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 6 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính quy định công tác quản lý tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5190/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2016; Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Chương trình công tác năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 430/TTr-SKHCN-TĐC ngày 01/6/2016 (kèm theo Công văn số 1958/STC-HCSN ngày 23/5/2016 của Sở Tài chính, Công văn số 495/SNV-CCHC ngày 20/5/2016 của Sở Nội vụ, Công văn số 1649/SKHĐT-VX ngày 10/5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Công văn số 1269/SNN&PTNT ngày 12/5/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020, bao gồm các nội dung sau đây:

## **1. Mục đích, yêu cầu:**

### **1.1. Mục đích:**

- Xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn (Sau đây gọi chung là UBND cấp xã) và các đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, hỗ trợ và thúc đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính của tỉnh.

- Xây dựng và thực hiện Hệ thống quy trình xử lý công việc hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nhằm tạo điều kiện để người đứng đầu UBND cấp xã và các đơn vị sự nghiệp công lập kiểm soát được quá trình giải quyết công việc trong nội bộ cơ quan. Thông qua đó từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, công dân.

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, hoàn thành nhiệm vụ theo đúng trình tự hướng dẫn, chuyển biến tác phong làm việc theo hướng chuyên nghiệp, tiến tới nền hành chính hiện đại với phương châm công khai, minh bạch, văn minh, lịch sự.

- Trong giai đoạn 2016-2020 có 100% UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới và UBND các phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa hoàn thành việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

- Khuyến khích UBND các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới và các đơn vị sự nghiệp công lập áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

### **1.2. Yêu cầu:**

- Đảm bảo toàn bộ các hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân theo danh mục thủ tục hành chính đã được công bố đều được áp dụng HTQLCL.

- Việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL phải phù hợp với mô hình khung do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, tình hình thực tế của các cơ quan, đơn vị và yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; đảm bảo tính liên thông thủ tục hành chính, tính khoa học, công khai minh bạch; nghiên cứu áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng và áp dụng HTQLCL.

- Bảo đảm sự tự giác tham gia đầy đủ của Lãnh đạo, cán bộ, công chức và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đảm bảo việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL có hiệu lực, hiệu quả.

## **2. Nội dung:**

### **2.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008:**

#### *a) Phạm vi:*

Kế hoạch này quy định về việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu

chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND cấp xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, bao gồm:

- Xây dựng, áp dụng, công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008.

- Duy trì, cải tiến và mở rộng HTQLCL.

b) *Đối tượng:*

- UBND các xã đã được công nhận là “Xã đạt chuẩn nông thôn mới”.
- UBND các phường, thị trấn.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập (Đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho phép xây dựng).

**2.2. Thời gian thực hiện:** 05 năm (Từ năm 2016 đến hết năm 2020)

**2.3. Các bước xây dựng, áp dụng HTQLCL:**

Việc xây dựng và áp dụng HTQLCL được thực hiện theo 04 bước cơ bản sau:

a) *Bước 1: Xây dựng HTQLCL*

Căn cứ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và mô hình khung HTQLCL do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố (Xây dựng mô hình khung đối với đơn vị sự nghiệp công lập) các đơn vị áp dụng xây dựng hệ thống văn bản, tài liệu, các quy trình xử lý công việc hợp lý để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) *Bước 2: Áp dụng HTQLCL*

- Áp dụng trên thực tế hệ thống văn bản, tài liệu và quy trình khi được người đứng đầu cơ quan phê duyệt;

- Thực hiện đánh giá nội bộ, khắc phục các điểm không phù hợp;

- Tiến hành xem xét HTQLCL của Lãnh đạo, cải tiến HTQLCL bảo đảm phù hợp với yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại cơ quan;

- Người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL.

c) *Bước 3: Công bố HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008*

Cơ quan áp dụng HTQLCL công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 (Theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ) và thông báo bằng văn bản đến đơn vị chủ trì tại địa phương là Sở Khoa học và Công nghệ để theo dõi, tổng hợp; niêm yết tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan (nếu có).

d) *Bước 4: Duy trì, cải tiến HTQLCL*

- Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL để áp dụng trong thời gian chậm nhất là 03 tháng kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực thi hành;

- Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét HTQLCL của Lãnh đạo tối thiểu

một năm một lần để đảm bảo HTQLCL phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008, quy định pháp luật và thực tế tại cơ quan;

- Thực hiện công bố lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL;

- Trong quá trình duy trì và cải tiến HTQLCL cơ quan áp dụng HTQLCL không thuê các tổ chức chứng nhận độc lập đánh giá (Chứng nhận, giám sát, điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng, chứng nhận lại);

Trường hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 được soát xét, thay đổi và được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thì áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **2.4. Thuê tư vấn xây dựng HTQLCL:**

- Các cơ quan, đơn vị có thể chủ động xây dựng HTQLCL nếu xét thấy có đủ năng lực.

- Sử dụng tổ chức tư vấn của tỉnh do Sở Khoa học và Công nghệ quản lý để đảm bảo thống nhất trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát của tất cả các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ định mức thuê khoán và danh mục chi được phê duyệt tại dự toán kinh phí (Phụ lục III, IV) và thực tế cơ quan đơn vị thỏa thuận, quyết định ký hợp đồng với tổ chức tư vấn của tỉnh.

#### **2.5. Lộ trình thực hiện:**

Thời gian thực hiện 05 năm, từ năm 2016 đến hết năm 2020:

- Năm 2016: 14 UBND cấp xã và 01 đơn vị sự nghiệp công lập

- Năm 2017: 50 UBND cấp xã

*(Chi tiết danh sách các cơ quan áp dụng có Phụ lục I kèm theo)*

Dự kiến Kế hoạch:

- Năm 2018: 104 UBND cấp xã

- Năm 2019: 106 UBND cấp xã

- Năm 2020: 106 UBND cấp xã

*(Chi tiết dự kiến danh sách các cơ quan áp dụng từ năm 2018- 2020 có Phụ lục II kèm theo)*

Giai đoạn từ năm 2018 đến 2020, hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu lập danh sách các cơ quan áp dụng trình UBND tỉnh phê duyệt.

#### **3. Kinh phí thực hiện:**

Trên cơ sở danh mục các đơn vị được áp dụng HTQLCL phù hợp với đối tượng áp dụng được quy định tại quyết định này, các đơn vị được áp dụng và các cơ quan quản lý nhà nước lập dự toán kinh phí cho hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL (theo quy định tại Thông tư số 116/2015/TT-BTC ngày 11/8/2015 của Bộ Tài chính quy định công tác quản lý

tài chính đối với việc tư vấn, xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước) trong dự toán thu - chi ngân sách của đơn vị hàng năm, gửi cơ quan tài chính thẩm định, tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí.

#### **4. Tổ chức thực hiện:**

##### **4.1. Sở Khoa học và Công nghệ:**

- Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực, phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, Ban, ngành, địa phương chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện và có Kế hoạch triển khai cụ thể; đồng thời chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, theo dõi và định kỳ báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Tổ chức thực hiện các lớp đào tạo về việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL và nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá cho cán bộ, công chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị; cử cán bộ, công chức, người lao động tham gia các lớp đào tạo chuyên gia đánh giá HTQLCL đủ năng lực để tham gia công tác kiểm tra, theo dõi việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra việc áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL tại các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tổng hợp, báo cáo kết quả trình UBND tỉnh.

- Xây dựng Kế hoạch, tổ chức các Hội nghị sơ kết 2 năm và tổng kết giai đoạn 2016 - 2020 việc thực hiện áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các UBND cấp xã và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

##### **4.2. Sở Nội vụ:**

- Tham mưu UBND tỉnh trong công tác thi đua, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, giám sát việc áp dụng, duy trì HTQLCL.

##### **4.3. Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giao bổ sung dự toán kinh phí cho các cơ quan thực hiện trong năm 2016; hàng năm, căn cứ dự toán, danh sách các đơn vị áp dụng được UBND tỉnh phê duyệt tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh bố trí phân bổ, giao dự toán kinh phí cho các cơ quan thực hiện theo đúng kế hoạch.

##### **4.4. Đài Phát thanh và Truyền hình Thanh Hóa, Báo Thanh Hóa:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền về nội dung, mục tiêu của Kế hoạch này nhằm nâng cao ý thức của công dân đối với việc áp dụng HTQLCL của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

#### **4.5. Các cơ quan áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008:**

- Thành lập Ban chỉ đạo ISO của cơ quan để triển khai áp dụng HTQLCL.

- Triển khai xây dựng, áp dụng, công bố và duy trì có hiệu lực, hiệu quả HTQLCL tại đơn vị; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính.

- Định kỳ tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện việc triển khai xây dựng và áp dụng HTQLCL cho Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ quản.

#### **4.6. UBND các huyện, thị xã, thành phố:**

- Đề xuất danh sách UBND cấp xã triển khai xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

- Phân bổ, giao dự toán chi ngân sách địa phương cho việc xây dựng, áp dụng HTQLCL trong địa bàn quản lý của huyện, thị xã, thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ chỉ đạo UBND cấp xã triển khai xây dựng, áp dụng HTQLCL.

- Có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn và tạo điều kiện cấp chuyển kinh phí xây dựng HTQLCL cho UBND cấp xã.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, tham mưu UBND tỉnh quyết định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**


**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
**VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ÁP DỤNG HTQLCL**  
**THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2024/QĐ-UBND ngày 13 / 6 /2016*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| TT        | Tên xã, phường, thị trấn, đơn vị sự nghiệp công lập        | Tên huyện, thị xã, thành phố, cơ quan chủ quản |
|-----------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Năm 2016 (15 cơ quan, đơn vị)</b>                       |                                                |
| 1         | UBND thị trấn Quán Lào                                     | Yên Định                                       |
| 2         | UBND xã Định Tường                                         |                                                |
| 3         | UBND xã Định Long                                          |                                                |
| 4         | UBND xã Định Bình                                          |                                                |
| 5         | UBND xã Định Hưng                                          |                                                |
| 6         | UBND thị trấn Tĩnh Gia                                     | Tĩnh Gia                                       |
| 7         | UBND xã Bình Minh                                          |                                                |
| 8         | UBND xã Hải Châu                                           |                                                |
| 9         | UBND thị trấn Lưu Vệ                                       | Quảng Xương                                    |
| 10        | UBND xã Quảng Tân                                          |                                                |
| 11        | UBND xã Quảng Phong                                        |                                                |
| 12        | UBND thị trấn Bút Sơn                                      | Hoảng Hóa                                      |
| 13        | UBND xã Hoàng Vinh                                         |                                                |
| 14        | UBND xã Hoàng Phúc                                         |                                                |
| 15        | Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa | UBND tỉnh                                      |
| <b>II</b> | <b>Năm 2017 (50 cơ quan, đơn vị)</b>                       |                                                |
| 16        | UBND xã Định Tân                                           | Yên Định                                       |
| 17        | UBND xã Định Hòa                                           |                                                |
| 18        | UBND xã Định Tiến                                          |                                                |
| 19        | UBND xã Định Hải                                           |                                                |
| 20        | UBND xã Định Thành                                         |                                                |
| 21        | UBND xã Quảng Văn                                          | Quảng Xương                                    |
| 22        | UBND xã Quảng Bình                                         |                                                |
| 23        | UBND xã Quảng Ngọc                                         |                                                |
| 24        | UBND xã Quảng Đức                                          |                                                |
| 25        | UBND xã Quảng Ninh                                         |                                                |
| 26        | UBND xã Xuân Giang                                         | Thọ Xuân                                       |
| 27        | UBND xã Hạnh Phúc                                          |                                                |
| 28        | UBND xã Xuân Thành                                         |                                                |
| 29        | UBND xã Xuân Trường                                        |                                                |
| 30        | UBND xã Xuân Hòa                                           |                                                |
| 31        | UBND xã Hoàng Đồng                                         | Hoảng Hóa                                      |
| 32        | UBND xã Hoàng Hợp                                          |                                                |

|    |                          |           |
|----|--------------------------|-----------|
| 33 | UBND xã Hoàng Đạt        |           |
| 34 | UBND xã Hoàng Ngọc       |           |
| 35 | UBND xã Hoàng Xuân       |           |
| 36 | UBND xã Trường Sơn       |           |
| 37 | UBND xã Tượng Văn        | Nông Cống |
| 38 | UBND xã Minh Thọ         |           |
| 39 | UBND xã Tế Lợi           |           |
| 40 | UBND xã Minh Nghĩa       |           |
| 41 | UBND xã Nga An           | Nga Sơn   |
| 42 | UBND xã Nga Thành        |           |
| 43 | UBND xã Nga Yên          |           |
| 44 | UBND xã Nga Hưng         |           |
| 45 | UBND xã Nga Mỹ           |           |
| 46 | UBND thị trấn Rừng Thông |           |
| 47 | UBND xã Đông Văn         |           |
| 48 | UBND xã Đông Phú         |           |
| 49 | UBND xã Đông Khê         | Đông Sơn  |
| 50 | UBND xã Đông Ninh        |           |
| 51 | UBND xã Thiệu Trung      |           |
| 52 | UBND xã Thiệu Hợp        |           |
| 53 | UBND xã Thiệu Đô         | Thiệu Hóa |
| 54 | UBND xã Thiệu Tiến       |           |
| 55 | UBND xã Thiệu Phú        |           |
| 56 | UBND thị trấn Triệu Sơn  |           |
| 57 | UBND xã Vân Sơn          | Triệu Sơn |
| 58 | UBND xã Minh Sơn         |           |
| 59 | UBND xã Đồng Thắng       |           |
| 60 | UBND xã Đồng Tiến        |           |
| 61 | UBND thị trấn Hà Trung   | Hà Trung  |
| 62 | UBND xã Hà Lĩnh          |           |
| 63 | UBND xã Hà Lai           |           |
| 64 | UBND xã Hà Vân           |           |
| 65 | UBND xã Hà Long          |           |

**Phụ lục II**  
**DỰ KIẾN DANH SÁCH UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**  
**XÂY DỰNG, ÁP DỤNG HTQLC THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**  
**TCVN ISO 9001:2008, GIAI ĐOẠN 2018-2020**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2027/QĐ-UBND ngày 13 / 6 /2016*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

| TT       | Tên xã, phường, thị trấn              | Tên huyện, thị xã, thành phố | Ghi chú                       |
|----------|---------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Năm 2018 (104 cơ quan, đơn vị)</b> |                              |                               |
| 1        | UBND thị trấn Thống Nhất              | Yên Định                     | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 2        | UBND xã Quý Lộc                       |                              |                               |
| 3        | UBND xã Yên Trường                    |                              |                               |
| 4        | UBND xã Yên Phong                     |                              |                               |
| 5        | UBND xã Định Tăng                     |                              |                               |
| 6        | UBND xã Yên Lâm                       |                              |                               |
| 7        | UBND xã Yên Bái                       |                              |                               |
| 8        | UBND xã Yên Tâm                       |                              |                               |
| 9        | UBND xã Yên Ninh                      |                              |                               |
| 10       | UBND xã Yên Thịnh                     |                              |                               |
| 11       | UBND xã Quảng Thái                    | Quảng Xương                  | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 12       | UBND xã Quảng Yên                     |                              |                               |
| 13       | UBND xã Quảng Trạch                   |                              |                               |
| 14       | UBND xã Quảng Hòa                     |                              |                               |
| 15       | UBND xã Quảng Vọng                    |                              |                               |
| 16       | UBND xã Quảng Trường                  |                              |                               |
| 17       | UBND xã Quảng Long                    |                              |                               |
| 18       | UBND xã Quảng Lợi                     |                              |                               |
| 19       | UBND xã Quảng Lộc                     |                              |                               |
| 20       | UBND xã Quảng Lưu                     |                              |                               |
| 21       | UBND thị trấn Hậu Lộc                 | Hậu Lộc                      | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 22       | UBND xã Phú Lộc                       |                              |                               |
| 23       | UBND xã Văn Lộc                       |                              |                               |
| 24       | UBND xã Đại Lộc                       |                              |                               |
| 25       | UBND xã Minh Lộc                      |                              |                               |
| 26       | UBND xã Quang Lộc                     |                              |                               |
| 27       | UBND xã Hòa Lộc                       |                              |                               |
| 28       | UBND xã Hoa Lộc                       |                              |                               |
| 29       | UBND xã Lộc Tân                       |                              |                               |
| 30       | UBND xã Hưng Lộc                      |                              |                               |
| 31       | UBND xã Liên Lộc                      |                              |                               |
| 32       | UBND xã Mỹ Lộc                        |                              |                               |
| 33       | UBND xã Ngọc Phụng                    | Thường Xuân                  | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |

|    |                         |                     |  |
|----|-------------------------|---------------------|--|
| 34 | UBND xã Xuân Dương      |                     |  |
| 35 | UBND xã Luận Thành      |                     |  |
| 36 | UBND xã Thọ Thanh       |                     |  |
| 37 | UBND xã Vạn Xuân        |                     |  |
| 38 | UBND thị trấn Nga Sơn   | Nga Sơn             |  |
| 39 | UBND xã Nga Phú         |                     |  |
| 40 | UBND xã Nga Trung       |                     |  |
| 41 | UBND xã Nga Thái        |                     |  |
| 42 | UBND xã Nga Hải         |                     |  |
| 43 | UBND xã Nga Văn         |                     |  |
| 44 | UBND phường Ba Đình     | Thị xã Bỉm Sơn      |  |
| 45 | UBND phường Ngọc Trạo   |                     |  |
| 46 | UBND phường Bắc Sơn     |                     |  |
| 47 | UBND phường Lam Sơn     |                     |  |
| 48 | UBND phường Đông Sơn    |                     |  |
| 49 | UBND phường Phú Sơn     |                     |  |
| 50 | UBND xã Hà Lan          |                     |  |
| 51 | UBND xã Quang Trung     |                     |  |
| 52 | UBND phường Ba Đình     | Thành phố Thanh Hóa |  |
| 53 | UBND phường Điện Biên   |                     |  |
| 54 | UBND phường Đông Sơn    |                     |  |
| 55 | UBND phường Đông Vệ     |                     |  |
| 56 | UBND phường Lam Sơn     |                     |  |
| 57 | UBND xã Đông Tân        |                     |  |
| 58 | UBND xã Quảng Đông      |                     |  |
| 59 | UBND xã Hoằng Long      |                     |  |
| 60 | UBND xã Đông Hưng       |                     |  |
| 61 | UBND xã Thiệu Khánh     |                     |  |
| 62 | UBND xã Quảng Phú       |                     |  |
| 63 | UBND xã Hoằng Đại       |                     |  |
| 64 | UBND xã Thiệu Văn       |                     |  |
| 65 | UBND xã Đông Lĩnh       |                     |  |
| 66 | UBND thị trấn Nông Công | Nông Công           |  |
| 67 | UBND xã Vạn Thiện       |                     |  |
| 68 | UBND xã Tượng Sơn       |                     |  |
| 69 | UBND xã Vạn Hòa         |                     |  |
| 70 | UBND xã Thăng Long      |                     |  |
| 71 | UBND xã Vạn Thắng       |                     |  |
| 72 | UBND xã Tế Thắng        |                     |  |
| 73 | UBND thị trấn Thọ Xuân  | Thọ Xuân            |  |
| 74 | UBND xã Tây Hồ          |                     |  |
| 75 | UBND xã Xuân Vinh       |                     |  |
| 76 | UBND xã Nam Giang       |                     |  |

|           |                                       |             |                                  |
|-----------|---------------------------------------|-------------|----------------------------------|
| 77        | UBND xã Xuân Bái                      |             |                                  |
| 78        | UBND xã Thọ Nguyên                    |             |                                  |
| 79        | UBND xã Bắc Lương                     |             |                                  |
| 80        | UBND xã Xuân Châu                     |             |                                  |
| 81        | UBND xã Xuân Tín                      |             |                                  |
| 82        | UBND xã Thọ Hải                       |             |                                  |
| 83        | UBND xã Thọ Lộc                       |             |                                  |
| 84        | UBND thị trấn Vĩnh Lộc                | Vĩnh Lộc    |                                  |
| 85        | UBND xã Vĩnh Yên                      |             |                                  |
| 86        | UBND xã Vĩnh Tân                      |             |                                  |
| 87        | UBND xã Vĩnh Thịnh                    |             |                                  |
| 88        | UBND xã Vĩnh An                       |             |                                  |
| 89        | UBND xã Vĩnh Quang                    |             |                                  |
| 90        | UBND xã Vĩnh Phúc                     |             |                                  |
| 91        | UBND xã Vĩnh Ninh                     |             |                                  |
| 92        | UBND xã Vĩnh Hùng                     |             |                                  |
| 93        | UBND xã Vĩnh Hòa                      |             |                                  |
| 94        | UBND thị trấn Kim Tân                 | Thạch Thành |                                  |
| 95        | UBND xã Thạch Bình                    |             |                                  |
| 96        | UBND xã Thành Kim                     |             |                                  |
| 97        | UBND xã Thành Long                    |             |                                  |
| 98        | UBND xã Thạch Định                    |             |                                  |
| 99        | UBND xã Thành An                      |             |                                  |
| 100       | UBND xã Thạch Sơn                     |             |                                  |
| 101       | UBND xã Thạch Long                    |             |                                  |
| 102       | UBND xã Thành Tâm                     |             |                                  |
| 103       | UBND xã Thành Vinh                    |             |                                  |
| 104       | UBND xã Thạch Quảng                   |             |                                  |
| <b>II</b> | <b>Năm 2019 (106 cơ quan, đơn vị)</b> |             |                                  |
| 105       | UBND xã Yên Giang                     | Yên Định    | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 106       | UBND xã Yên Phú                       |             |                                  |
| 107       | UBND xã Yên Trung                     |             |                                  |
| 108       | UBND thị trấn Lam Sơn                 | Thọ Xuân    |                                  |
| 109       | UBND xã Thọ Xương                     |             | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 110       | UBND xã Xuân Quang                    |             |                                  |
| 111       | UBND xã Xuân Minh                     |             |                                  |
| 112       | UBND xã Xuân Lam                      |             |                                  |
| 113       | UBND xã Thọ Trường                    |             |                                  |
| 114       | UBND xã Xuân Lập                      |             |                                  |
| 115       | UBND xã Xuân Hưng                     |             |                                  |
| 116       | UBND xã Xuân Phong                    |             |                                  |
| 117       | UBND xã Xuân Tân                      |             |                                  |
| 118       | UBND xã Xuân Yên                      |             |                                  |

|     |                        |           |                                  |
|-----|------------------------|-----------|----------------------------------|
| 119 | UBND xã Xuân Khánh     |           |                                  |
| 120 | UBND xã Thọ Lập        |           |                                  |
| 121 | UBND xã Phú Yên        |           |                                  |
| 122 | UBND xã Hoằng Trung    | Hoằng Hóa | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 123 | UBND xã Hoằng Lương    |           |                                  |
| 124 | UBND xã Hoằng Phượng   |           |                                  |
| 125 | UBND xã Hoằng Trình    |           |                                  |
| 126 | UBND xã Hoằng Đức      |           |                                  |
| 127 | UBND xã Hoằng Đông     |           |                                  |
| 128 | UBND xã Hoằng Đạo      |           |                                  |
| 129 | UBND xã Hoằng Phong    |           |                                  |
| 130 | UBND xã Hoằng Lộc      |           |                                  |
| 131 | UBND xã Hoằng Lưu      |           |                                  |
| 132 | UBND xã Hoằng Phú      |           |                                  |
| 133 | UBND xã Hoằng Quý      |           |                                  |
| 134 | UBND xã Hoằng Thịnh    |           |                                  |
| 135 | UBND xã Vĩnh Thành     | Vĩnh Lộc  | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 136 | UBND xã Vĩnh Tiến      |           |                                  |
| 137 | UBND xã Vĩnh Minh      |           |                                  |
| 138 | UBND thị trấn Bến Sung | Nhu Thanh |                                  |
| 139 | UBND xã Xuân Du        |           | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 140 | UBND xã Yên Thọ        |           |                                  |
| 141 | UBND xã Phú Nhuận      |           |                                  |
| 142 | UBND xã Hải Long       |           |                                  |
| 143 | UBND xã Hải Vân        |           |                                  |
| 144 | UBND xã Cán Khê        |           |                                  |
| 145 | UBND xã Mậu Lâm        |           |                                  |
| 146 | UBND xã Yên Lạc        |           |                                  |
| 147 | UBND xã Xuân Khang     |           |                                  |
| 148 | UBND thị trấn Yên Cát  | Nhu Xuân  |                                  |
| 149 | UBND xã Bãi Trành      |           | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 150 | UBND xã Xuân Quý       |           |                                  |
| 151 | UBND xã Xuân Bình      | Cẩm Thủy  |                                  |
| 152 | UBND thị trấn Cẩm Thủy |           | Xã đã đạt chuẩn<br>nông thôn mới |
| 153 | UBND xã Cẩm Tú         |           |                                  |
| 154 | UBND xã Cẩm Tân        |           |                                  |
| 155 | UBND xã Cẩm Vân        |           |                                  |
| 156 | UBND xã Cẩm Ngọc       |           |                                  |
| 157 | UBND xã Phúc Do        |           |                                  |
| 158 | UBND xã Cẩm Bình       |           |                                  |
| 159 | UBND xã Cẩm Giang      |           |                                  |
| 160 | UBND xã Cẩm Phong      |           |                                  |

|     |                          |                     |  |
|-----|--------------------------|---------------------|--|
| 161 | UBND xã Cẩm Yên          |                     |  |
| 162 | UBND xã Cẩm Sơn          |                     |  |
| 163 | UBND thị trấn Cành Nàng  | Bá Thước            |  |
| 164 | UBND xã Diên Lư          |                     |  |
| 165 | UBND xã Tân Lập          |                     |  |
| 166 | UBND xã Diên Trung       |                     |  |
| 167 | UBND xã Lũng Niêm        |                     |  |
| 168 | UBND thị trấn Lang Chánh | Lang Chánh          |  |
| 169 | UBND xã Giao An          |                     |  |
| 170 | UBND thị trấn Ngọc Lặc   | Ngọc Lặc            |  |
| 171 | UBND xã Lam Sơn          |                     |  |
| 172 | UBND xã Cao Thịnh        |                     |  |
| 173 | UBND xã Ngọc Trung       |                     |  |
| 174 | UBND xã Quang Trung      |                     |  |
| 175 | UBND xã Phúc Thịnh       |                     |  |
| 176 | UBND thị trấn Quan Sơn   | Quan Sơn            |  |
| 177 | UBND xã Tam Lư           |                     |  |
| 178 | UBND phường An Hoạch     | Thành phố Thanh Hóa |  |
| 179 | UBND phường Đông Thọ     |                     |  |
| 180 | UBND phường Đông Cương   |                     |  |
| 181 | UBND phường Đông Hải     |                     |  |
| 182 | UBND phường Đông Hương   |                     |  |
| 183 | UBND phường Hàm Rồng     |                     |  |
| 184 | UBND phường Nam Ngạn     |                     |  |
| 185 | UBND phường Ngọc Trạo    |                     |  |
| 186 | UBND phường Phú Sơn      |                     |  |
| 187 | UBND xã Thiệu Tâm        | Thiệu Hóa           |  |
| 188 | UBND xã Thiệu Châu       |                     |  |
| 189 | UBND xã Thiệu Nguyên     |                     |  |
| 190 | UBND xã Thiệu Công       |                     |  |
| 191 | UBND xã Thiệu Lý         |                     |  |
| 192 | UBND xã Thiệu Long       |                     |  |
| 193 | UBND xã Thiệu Chính      |                     |  |
| 194 | UBND xã Thiệu Hòa        |                     |  |
| 195 | UBND xã Thiệu Minh       |                     |  |
| 196 | UBND xã Thiệu Tân        |                     |  |
| 197 | UBND xã Thanh Thủy       | Tĩnh Gia            |  |
| 198 | UBND xã Ngọc Lĩnh        |                     |  |
| 199 | UBND xã Thanh Sơn        |                     |  |
| 200 | UBND xã Anh Sơn          |                     |  |
| 201 | UBND xã Các Sơn          |                     |  |
| 202 | UBND xã Nghi Sơn         |                     |  |
| 203 | UBND xã Hải Thanh        |                     |  |

|            |                                       |                     |                               |
|------------|---------------------------------------|---------------------|-------------------------------|
| 204        | UBND xã Hải Bình                      |                     |                               |
| 205        | UBND xã Triều Dương                   |                     |                               |
| 206        | UBND xã Thọ Ngọc                      | Triệu Sơn           |                               |
| 207        | UBND xã Thọ Vực                       |                     |                               |
| 208        | UBND xã Thọ Phú                       |                     |                               |
| 209        | UBND xã Tân Ninh                      |                     |                               |
| 210        | UBND xã Thái Hòa                      |                     |                               |
| <b>III</b> | <b>Năm 2020 (106 cơ quan, đơn vị)</b> |                     |                               |
| 211        | UBND phường Quảng Hưng                | Thành phố Thanh Hóa |                               |
| 212        | UBND phường Quảng Thành               |                     |                               |
| 213        | UBND phường Quảng Thắng               |                     |                               |
| 214        | UBND phường Tào Xuyên                 |                     |                               |
| 215        | UBND phường Tân Sơn                   |                     |                               |
| 216        | UBND phường Trường Thi                |                     |                               |
| 217        | UBND xã Quảng Tâm                     |                     | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 218        | UBND xã Hoằng Anh                     |                     |                               |
| 219        | UBND xã Quảng Thịnh                   |                     |                               |
| 220        | UBND xã Thiệu Dương                   |                     |                               |
| 221        | UBND phường Trường Sơn                | Thị xã Sầm Sơn      |                               |
| 222        | UBND phường Bắc Sơn                   |                     |                               |
| 223        | UBND phường Trung Sơn                 |                     |                               |
| 224        | UBND phường Quảng Tiến                |                     |                               |
| 225        | UBND xã Quảng Thọ                     |                     | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 226        | UBND xã Quảng Đại                     |                     |                               |
| 227        | UBND xã Quảng Châu                    |                     |                               |
| 228        | UBND xã Quảng Vinh                    |                     |                               |
| 229        | UBND xã Quảng Hùng                    |                     |                               |
| 230        | UBND thị trấn Mường Lát               | Mường Lát           |                               |
| 231        | UBND thị trấn Quan Hóa                | Quan Hóa            |                               |
| 232        | UBND xã Xuân Phú                      |                     |                               |
| 233        | UBND xã Phú Nghiêm                    | Thạch Thành         | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 234        | UBND thị trấn Vân Du                  |                     |                               |
| 235        | UBND xã Thạch Tân                     |                     |                               |
| 236        | UBND xã Thành Hưng                    |                     |                               |
| 237        | UBND xã Thành Vân                     | Thiệu Hóa           |                               |
| 238        | UBND thị trấn Vạn Hà                  |                     |                               |
| 239        | UBND xã Thiệu Duy                     |                     |                               |
| 240        | UBND xã Thiệu Phúc                    |                     |                               |
| 241        | UBND xã Thiệu Viên                    |                     |                               |
| 242        | UBND xã Thiệu Vận                     |                     |                               |
| 243        | UBND xã Thiệu Vũ                      |                     |                               |
| 244        | UBND xã Thiệu Toán                    | Thọ Xuân            |                               |
| 245        | UBND thị trấn Sao Vàng                |                     |                               |

|     |                           |             |                               |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------------------|
| 246 | UBND thị trấn Thường Xuân | Thường Xuân |                               |
| 247 | UBND xã Yên Hùng          | Yên Định    | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 248 | UBND xã Yên Thái          |             |                               |
| 249 | UBND xã Định Liên         |             |                               |
| 250 | UBND xã Yên Thọ           |             |                               |
| 251 | UBND xã Hoàng Giang       | Nông Cống   | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 252 | UBND xã Trung Chính       |             |                               |
| 253 | UBND xã Tượng Lĩnh        |             |                               |
| 254 | UBND xã Trường Minh       |             |                               |
| 255 | UBND xã Thăng Thọ         |             |                               |
| 256 | UBND xã Minh Khôi         |             |                               |
| 257 | UBND xã Trường Giang      |             |                               |
| 258 | UBND xã Nga Thạch         | Nga Sơn     | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 259 | UBND xã Nga Lĩnh          |             |                               |
| 260 | UBND xã Nga Liên          |             |                               |
| 261 | UBND xã Nga Trường        |             |                               |
| 262 | UBND xã Nga Nhân          |             |                               |
| 263 | UBND xã Ba Đình           |             |                               |
| 264 | UBND xã Nga Vịnh          |             |                               |
| 265 | UBND xã Nga Giáp          |             |                               |
| 266 | UBND xã Nga Điền          |             |                               |
| 267 | UBND xã Nga Bạch          |             |                               |
| 268 | UBND xã Ngọc Liên         | Ngọc Lặc    | Xã đã đạt chuẩn nông thôn mới |
| 269 | UBND xã Quảng Trung       | Quảng Xương |                               |
| 270 | UBND xã Quảng Hải         |             |                               |
| 271 | UBND xã Quảng Lĩnh        |             |                               |
| 272 | UBND xã Quảng Thạch       |             |                               |
| 273 | UBND xã Đông Nam          | Đông Sơn    |                               |
| 274 | UBND xã Đông Hoàng        |             |                               |
| 275 | UBND xã Đông Yên          |             |                               |
| 276 | UBND xã Đông Anh          |             |                               |
| 277 | UBND xã Đông Minh         |             |                               |
| 278 | UBND xã Đông Quang        |             |                               |
| 279 | UBND xã Đông Tiến         |             |                               |
| 280 | UBND xã Hoằng Kim         | Hoằng Hóa   |                               |
| 281 | UBND xã Hoằng Quý         |             |                               |
| 282 | UBND xã Hoằng Khánh       |             |                               |
| 283 | UBND xã Hoằng Hà          |             |                               |
| 284 | UBND xã Hoằng Thành       |             |                               |
| 285 | UBND xã Hoằng Tiến        |             |                               |
| 286 | UBND xã Hoằng Giang       |             |                               |
| 287 | UBND xã Hoằng Minh        |             |                               |

|     |                     |           |  |
|-----|---------------------|-----------|--|
| 288 | UBND xã Hoằng Sơn   |           |  |
| 289 | UBND xã Hoằng Cát   |           |  |
| 290 | UBND xã Hoằng Khê   |           |  |
| 291 | UBND xã Tuy Lộc     | Hậu Lộc   |  |
| 292 | UBND xã Xuân Lộc    |           |  |
| 293 | UBND xã Thịnh Lộc   |           |  |
| 294 | UBND xã Lộc Sơn     |           |  |
| 295 | UBND xã Tiến Lộc    |           |  |
| 296 | UBND xã Đa Lộc      |           |  |
| 297 | UBND xã Hải Lộc     |           |  |
| 298 | UBND xã Triệu Lộc   |           |  |
| 299 | UBND xã Đông Lợi    | Triệu Sơn |  |
| 300 | UBND xã Xuân Thọ    |           |  |
| 301 | UBND xã Khuyến Nông |           |  |
| 302 | UBND xã Xuân Thịnh  |           |  |
| 303 | UBND xã Thọ Cường   |           |  |
| 304 | UBND xã Dân Lực     |           |  |
| 305 | UBND xã Nông Trường |           |  |
| 306 | UBND xã An Nông     |           |  |
| 307 | UBND xã Thọ Thế     | Hà Trung  |  |
| 308 | UBND xã Hà Châu     |           |  |
| 309 | UBND xã Hà Sơn      |           |  |
| 310 | UBND xã Hà Bình     |           |  |
| 311 | UBND xã Hà Toại     |           |  |
| 312 | UBND xã Hà Ninh     |           |  |
| 313 | UBND xã Hà Đông     |           |  |
| 314 | UBND xã Hà Yên      |           |  |
| 315 | UBND xã Hà Tân      |           |  |
| 316 | UBND xã Hà Ngọc     |           |  |